



MỤC LỤC

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG	5
1. Căn cứ pháp lý	5
2. Các tổ chức liên quan tới đợt bán đấu giá cổ phần lần đầu	7
2.1. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần	7
2.2. Tổ chức chào bán	7
2.3. Tổ chức tư vấn bán đấu giá	7
3. Các khái niệm và từ viết tắt	7
PHẦN II: TÌNH HÌNH CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HOÁ	9
1. TỔNG QUAN	9
1.1. Giới thiệu về Công ty TNHH MTV Xuất khẩu Lao động – Thương mại và Du lịch	9
1.2. Quá trình hình thành và phát triển	9
1.3. Ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh	10
1.4. Dịch vụ chủ yếu	10
1.5. Chủ sở hữu và các công ty con	11
1.5.1. Chủ sở hữu	11
1.5.2. Các công ty con	11
1.6. Nguồn lao động	11
1.6.1. Cơ cấu lao động	11
1.6.2. Đánh giá nguồn nhân lực	12
2. GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM CỔ PHẦN HOÁ	13
2.1. Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hoá	13
2.1.1. Phương pháp xác định GTDN	13
2.1.2. Giá trị thực tế của doanh nghiệp	14
2.2. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp	16
2.2.1. Tài sản cố định	16
2.2.2. Đất đai đang sử dụng	17
2.3. Thực trạng tài chính và công nợ	19
2.4. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý	19



3. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG 3 NĂM TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HOÁ	20
3.1. Tình hình hoạt động kinh doanh	20
3.1.1. Giá trị dịch vụ qua các năm.....	20
3.1.2. Cơ cấu doanh thu thuần và chi phí kinh doanh trước CPH.....	21
3.1.3. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới	22
3.1.4. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ.....	22
3.1.5. Hoạt động Marketing.....	23
3.1.6. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	23
3.1.7. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết.....	23
3.2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 3 năm trước CPH.....	24
3.2.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.....	24
3.2.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty.....	26
3.3. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành	27
3.3.1. Vị thế của Công ty trong ngành	27
3.3.2. Triển vọng phát triển của ngành.....	28
3.3.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước.....	28
PHẦN III.....	29
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HOÁ	29
1. MÔ HÌNH TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG SAU CỔ PHẦN HOÁ	29
1.1. Tên gọi và các thông tin cơ bản	29
1.2. Phương án tổ chức và quản lý điều hành Doanh nghiệp sau CPH	31
2. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ.....	33
2.1. Vốn điều lệ của Công ty cổ phần	33
2.2. Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến theo phương án cổ phần hoá được phê duyệt... 33	
3. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HOÁ.....	33
3.1. Định hướng phát triển của Công ty	33
3.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong 3 năm liền kề sau khi cổ phần hoá	34



3.3.	Kế hoạch sử dụng đất sau cổ phần hoá.....	34
3.4.	Giải pháp thực hiện.....	35
3.4.1.	Về công tác quản lý.....	35
3.4.2.	Tổ chức lại hoạt động kinh doanh.....	36
3.4.3.	Liên doanh liên kết.....	38
PHẦN IV : THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ.....		38
1.	CÁC RỦI RO DỰ KIẾN	38
1.1.	Rủi ro về kinh tế	38
1.2.	Rủi ro pháp lý	39
1.3.	Rủi ro đặc thù	39
1.4.	Rủi ro của đợt chào bán cổ phần	40
1.5.	Rủi ro khác	40
2.	PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN..	41
2.1.	Đối tượng mua cổ phần.....	41
2.2.	Phương thức bán.....	41
2.2.1.	Cổ phần người lao động và tổ chức công đoàn được mua ưu đãi	41
2.2.2.	Cổ phần bán đấu giá công khai ra bên ngoài.....	43
2.3.	Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán.....	43
3.	LOẠI CỔ PHẦN.....	44
4.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HOÁ	44
5.	LỘ TRÌNH NIÊM YẾT, ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH SAU CỔ PHẦN HOÁ.....	46
6.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HOÁ.....	46
6.1.	Ban chỉ đạo cổ phần hoá	46
6.2.	Doanh nghiệp cổ phần hoá:.....	47
6.3.	Tổ chức tư vấn	47
PHẦN V: KẾT LUẬN		48



DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Cơ cấu lao động chuyển sang Công ty cổ phần	12
Bảng 2: Giá trị thực tế của DN tại thời điểm 0 giờ ngày 01/01/2014	14
Bảng 3: Tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2013	16
Bảng 4: Danh mục đất đai Sovilaco đang quản lý và sử dụng	18
Bảng 5: Cơ cấu doanh thu thuần qua các năm	21
Bảng 6: Cơ cấu chi phí kinh doanh qua các năm	22
Bảng 7: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính trước CPH	25
Bảng 8: Cơ cấu vốn điều lệ của Công ty theo phương án CPH	33
Bảng 9: Kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2015 - 2017	34

||



PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

1. Căn cứ pháp lý

-  Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần và Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP;
-  Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi công ty cổ phần;
-  Nghị định số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ;
-  Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động – TB&XH hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
-  Công văn số 2194/TTg-ĐMDN ngày 12/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước giao đoạn 2013 – 2015;
-  Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/09/2014 của Thủ tướng Chính phủ về một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước;
-  Quyết định số 404/QĐ-LĐTBXH ngày 08/04/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hoá doanh nghiệp của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU
CÔNG TY TNHH MTV XK LAO ĐỘNG – TM VÀ DU LỊCH**

-  Quyết định số 406/QĐ-LĐTBXH ngày 08/04/2014 của Trưởng Ban chỉ đạo cổ phần hoá doanh nghiệp của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hoá doanh nghiệp;
-  Quyết định số 1695/QĐ-LĐTBXH ngày 24/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Xuất khẩu Lao động – Thương mại và Du lịch (Sovilaco);
-  Quyết định số 399/QĐ-LĐTBXH ngày 30/03/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc phê duyệt Phương án cổ phần hoá và chuyển Công ty TNHH MTV Xuất khẩu Lao động – Thương mại và Du lịch (Sovilaco) thành công ty cổ phần.



2. Các tổ chức liên quan tới đợt bán đấu giá cổ phần lần đầu

2.1. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH

Tên tiếng Anh: Hochiminh Stock Exchange

Trụ sở : Số 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-8) 3821 7713 Fax: (84-8) 3821 7452

Website : www.hsx.vn

2.2. Tổ chức chào bán

CÔNG TY TNHH MTV XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG

– THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH

Tên tiếng Anh: Labour Export - Trading and Tourist Company Limited

Tên viết tắt : SOVILACO

Trụ sở : 01 Phố Quang, phường 2, quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-8) 3997 6320 Fax: (84-8) 3997 6321

Website : www.sovilaco.com.vn

2.3. Tổ chức tư vấn bán đấu giá

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯỢNG HOÀNG

Tên tiếng Anh: Phoenix Securities Corporation

Trụ sở : P224-202-006, số 27 Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà nội

Điện thoại : (84-4) 3926 0099 Fax: (84-4) 3926 3411

Website : www.pxs.vn

3. Các khái niệm và từ viết tắt

- ❖ **Bán đấu giá cổ phần** : Là hình thức bán cổ phần của doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hoá công khai cho các nhà đầu tư có cạnh tranh về giá, ở đây cụ thể là cổ phần của Công ty TNHH MTV Xuất khẩu lao động – Thương mại và Du lịch.
- ❖ **Nhà đầu tư** : Là tổ chức kinh tế và cá nhân trong và ngoài nước theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần.



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU
CÔNG TY TNHH MTV XK LAO ĐỘNG – TM VÀ DU LỊCH

- ❖ Ban chỉ đạo cổ phần hoá : Ban chỉ đạo cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Xuất khẩu lao động – Thương mại và Du lịch.
- ❖ Công ty/ Sovilaco : Công ty TNHH MTV Xuất khẩu lao động – Thương mại và Du lịch.
- ❖ Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội: Bộ LĐ-TB&XH
- ❖ CBCNV : Cán bộ công nhân viên
- ❖ HĐQT : Hội đồng thành viên
- ❖ HĐQT : Hội đồng quản trị
- ❖ ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- ❖ GTDN : Giá trị doanh nghiệp
- ❖ HĐKD : Hoạt động kinh doanh
- ❖ TNHH : Trách nhiệm hữu hạn
- ❖ MTV : Một thành viên
- ❖ CBTT : Công bố thông tin
- ❖ CPH : Cổ phần hoá
- ❖ CP : Cổ phần
- ❖ TSCĐ : Tài sản cố định
- ❖ DTT : Doanh thu thuần
- ❖ LN : Lợi nhuận
- ❖ LNTT : Lợi nhuận trước thuế
- ❖ LNST : Lợi nhuận sau thuế
- ❖ QSDĐ : Quyền sử dụng đất
- ❖ XD CB : Xây dựng cơ bản



PHẦN II: TÌNH HÌNH CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HOÁ

1. TỔNG QUAN

1.1. Giới thiệu về Công ty TNHH MTV Xuất khẩu Lao động – Thương mại và Du lịch

Tên tiếng Việt : Công ty TNHH MTV Xuất khẩu Lao động – Thương mại và Du lịch

Tên tiếng Anh : Labour Export - Trading and Tourist Company Limited

Tên viết tắt : SOVILACO

Trụ sở : số 01 Phở Quang, phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-8) 3997 6320 Fax: (84-8) 3997 6321

Websie : www.sovilaco.com.vn

Email : sovilaco@fpt.com.vn

Biểu trưng (logo) :



Giấy chứng nhận ĐKKD số 0300467483 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20/12/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 11/09/2012.

Vốn điều lệ : 35.413.541.513 đồng

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH MTV Xuất khẩu Lao động - Thương mại và Du lịch (Sovilaco), tiền thân là Công ty Dịch vụ Lao động ngoài nước phía Nam được thành lập theo Quyết định số 310/LĐTBXH ngày 06/9/1991 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Ngày 14/4/1995, Công ty được thành lập lại theo Quyết định số 596/LĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao Động -



Thương Binh và Xã Hội với tên gọi Công ty Dịch vụ Lao động Ngoài nước số 2. Ngày 11/12/1997 Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Xuất khẩu Lao động - Thương mại và Du lịch (Sovilaco) theo Quyết định số 1506/LĐTBXH-QĐ của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Năm 2003, Công ty đã xây dựng và bảo vệ thành công “Đề án kiện toàn và phát triển Công ty”, được giữ nguyên pháp nhân doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 759/2003/QĐ/BLĐTBXH ngày 30/6/2003 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Từ tháng 12/2010, Công ty chuyển đổi hoạt động sang mô hình Công ty TNHH MTV với tên gọi Công ty TNHH MTV Xuất khẩu Lao động Thương Mại và Du lịch theo quyết định số 809/QĐ-LĐTBXH ngày 29/6/2010 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

1.3. Ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD, Sovilaco đăng ký hoạt động các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh chủ yếu sau:

- Đưa lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài và các dịch vụ phục vụ người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo quy định của pháp luật;
- Kinh doanh du lịch trong nước và quốc tế;
- Dạy nghề;
- Dạy ngoại ngữ và giáo dục định hướng đối với người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài và theo nhu cầu xã hội;
- Tư vấn du học nước ngoài;
- Cho thuê văn phòng;
- Xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Đại lý bán vé máy bay.

1.4. Dịch vụ chủ yếu

Dịch vụ chính đem lại doanh thu cho Công ty là hoạt động đưa lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài và các dịch vụ phục vụ người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.



1.5. Chủ sở hữu và các công ty con

1.5.1. Chủ sở hữu

- Tên chủ sở hữu: Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, TP.Hà nội
- Điện thoại: (84-4) 6270 3613
- Fax: (84-4) 6270 3609
- Website: www.molisa.gov.vn
- Tỷ lệ sở hữu hiện nay tại Sovilaco: 100%

1.5.2. Các công ty con

Không có

1.6. Nguồn lao động

1.6.1. Cơ cấu lao động

Tính đến thời điểm cổ phần hoá, tổng số lao động tại Sovilaco là 105 người, trong đó có 01 người nghỉ hưu và 01 người tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động. Tổng số lao động chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần là 103 người với cơ cấu như sau:

Bảng 1: Cơ cấu lao động chuyển sang Công ty cổ phần

Tiêu chí	Số lượng người	Tỷ lệ
Theo trình độ lao động	103	
- Trên đại học	2	1.9%
- Đại học	70	68.0%
- Cao đẳng, trung cấp	22	21.4%
- Công nhân kỹ thuật, sơ cấp	0	0.0%
- Lao động phổ thông	9	8.7%
Phân theo hợp đồng lao động	103	
- Không thuộc diện ký hợp đồng	6	5.8%
- Hợp đồng không xác định thời hạn	86	83.5%
- Hợp đồng thời hạn 1 - 3 năm	10	9.7%
- Hợp đồng thời vụ	0	0.0%
- Đang tạm hoãn hợp đồng	1	1.0%
Phân theo giới tính	103	
- Nam	51	49.5%
- Nữ	52	50.5%

1.6.2. Đánh giá nguồn nhân lực

Đối với doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực dịch vụ, yếu tố nguồn nhân lực có vai trò hết sức quan trọng đối với sự phát triển của Công ty. Nhận thức được điều đó, Sovilaco luôn chú trọng quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực, đào tạo nguồn nhân công lao động trực tiếp. Công tác tạo nguồn cán bộ kế cận, thay thế; quy hoạch để đào tạo, đào tạo lại, nâng cao,... luôn được quan tâm thường xuyên. Công ty cũng đã sắp xếp lại cơ cấu, tổ chức nhân sự, thực hiện cơ chế khoán, đáp ứng yêu cầu kinh doanh trong giai đoạn mới. Hàng năm, Công ty tổ chức các khoá đào tạo các cán bộ công nhân viên nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cũng như chất lượng dịch vụ của Công ty.



2. GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM CỔ PHẦN HOÁ

2.1. Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hoá

2.1.1. Phương pháp xác định GTDN

Giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Xuất khẩu lao động – Thương mại và Du lịch được xác định theo phương pháp tài sản quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần; Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và các văn bản khác có liên quan. Giá trị doanh nghiệp được xác định trên cơ sở số liệu kiểm kê thực tế, có phân loại và được đánh giá xác định lại theo giá trị thực tế tại thời điểm ngày 31/12/2013.

Giá trị thực tế của doanh nghiệp CPH không bao gồm các khoản sau:

- Tài sản do doanh nghiệp đi thuê, mượn;
- Tài sản không cần dùng, tài sản ứ đọng chờ thanh lý;
- Tài sản hình thành từ Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi (không sử dụng cho sản xuất kinh doanh), nhà ở của cán bộ, công nhân viên;
- Các khoản phải thu không có khả năng thu hồi;

Các khoản không tính vào giá trị thực tế của doanh nghiệp cổ phần hoá được xác định theo số liệu trên Báo cáo tài chính và Hồ sơ kiểm kê của doanh nghiệp cổ phần hoá tại thời điểm 0 giờ ngày 01/01/2014.

Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp bằng giá trị thực tế của doanh nghiệp trừ (-) các khoản nợ thực tế phải trả và số dư nguồn kinh phí sự nghiệp.

a. Tài sản hiện vật:

Chỉ thực hiện đánh giá những tài sản mà Công ty cổ phần tiếp tục sử dụng. Giá trị thực tế của tài sản được xác định trên cơ sở nguyên giá tính theo giá thị trường tại thời điểm định giá và chất lượng còn lại của tài sản tại thời điểm định giá để xác định giá trị doanh nghiệp.

b. Tài sản khác:

Căn cứ trên cơ sở các biên bản kiểm kê quỹ, biên bản đối chiếu, thư xác nhận, hồ sơ gốc, sổ kế toán và báo cáo tài chính tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

2.1.2. Giá trị thực tế của doanh nghiệp

Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hoá tại thời điểm 0 giờ ngày 01/01/2014 theo Quyết định số 1695/QĐ-LĐTBXH ngày 24/12/2014 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Xuất khẩu lao động – Thương mại và Du lịch (Sovilaco) để cổ phần hoá, cụ thể như sau:

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hoá: 107.044.508.459 đồng
(Bằng chữ: Một trăm linh bảy tỷ, không trăm bốn mươi bốn triệu, năm trăm linh tám nghìn, bốn trăm năm mươi chín đồng).
- Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: 32.708.582.506 đồng
(Bằng chữ: Ba mươi hai tỷ, bảy trăm linh tám triệu, năm trăm tám mươi hai nghìn, năm trăm linh sáu đồng).

Bảng 2: Giá trị thực tế của DN tại thời điểm 0 giờ ngày 01/01/2014

Đơn vị tính: VND				
TT	Chỉ tiêu	Số liệu sổ kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1	2	3	4	5 = 4 - 3
A	Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	101,529,791,149	107,044,508,459	5,514,717,310
I	TSCĐ và đầu tư dài hạn	33,456,271,298	37,194,698,619	3,738,427,321
1	Tài sản cố định	24,384,013,427	28,895,455,979	4,511,442,552
a	TSCĐ hữu hình	24,313,368,983	28,824,811,535	4,511,442,552
b	TSCĐ vô hình	70,644,444	70,644,444	-
2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	7,186,000,000	6,334,249,600	(851,750,400)
3	Chi phí XDDB dở dang	249,141,889	249,141,889	-
4	Phải thu dài hạn (gồm cả KC, KQ)	1,315,000,000	1,315,000,000	-
5	Chi phí trả trước dài hạn	322,115,982	400,851,151	78,735,169
	- Chi phí trả trước dài hạn	322,115,982	322,115,982	-
	- CCDC đã phân bổ hết chi phí	-	78,735,169	78,735,169



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU
CÔNG TY TNHH MTV XK LAO ĐỘNG – TM VÀ DU LỊCH

TT	Chỉ tiêu	Số liệu sổ kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
II	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	42,291,832,221	41,292,869,643	(998,962,578)
1	Tiền	9,094,589,626	9,094,590,071	445
	- Tiền mặt tồn quỹ	6,064,330,555	6,064,331,000	445
	- Tiền gửi ngân hàng	3,017,104,328	3,017,104,328	-
	- Các khoản tương đương tiền	13,154,743	13,154,743	-
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	15,427,160,000	14,449,499,600	(977,660,400)
3	Các khoản phải thu	13,169,619,990	13,169,619,990	-
4	Hàng tồn kho	21,302,623	-	(21,302,623)
5	Tài sản lưu động khác	4,579,159,982	4,579,159,982	-
III	Giá trị lợi thế kinh doanh của DN	-	474,932,567	474,932,567
IV	Giá trị quyền sử dụng đất	25,781,687,630	28,082,007,630	2,300,320,000
B	Tài sản không cần dùng	-	-	-
C	Tài sản chờ thanh lý	33,519,855	33,519,855	-
I	TSCĐ và đầu tư dài hạn	33,519,855	33,519,855	-
1	Tài sản cố định	33,519,855	33,519,855	-
D	Tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi, khen thưởng	-	-	-
E	Tài sản chờ bàn giao	-	-	-
	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A+B+C+D+E)	101,563,311,004	107,078,028,314	5,514,717,310
	Trong đó:			
	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (A)	101,529,791,149	107,044,508,459	5,514,717,310
E1	Nợ thực tế phải trả	73,732,752,097	73,732,752,097	-
	Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng phải nộp NSNN	-	-	-
E2	Nguồn kinh phí sự nghiệp	603,173,856	603,173,856	-
	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHÂN VỐN GÓP NHÀ NƯỚC TẠI DN {A-(E1+E2)}	27,193,865,196	32,708,582,506	5,514,717,310

Nguồn: Biên bản xác định GTDN

Tài sản không tính vào GTDN để cổ phần hoá (theo giá trị ghi trên sổ sách kế toán) bao gồm:

Tài sản chờ thanh lý	33.519.855 đồng
- Nguyên giá	2.308.140.094 đồng
- Khấu hao	2.274.620.239 đồng
- Giá trị còn lại	33.519.855 đồng



2.2. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

2.2.1. Tài sản cố định

Tình hình TSCĐ của Sovilaco theo số liệu sổ sách kế toán sau xử lý tài chính tại thời điểm 31/12/2013 trước định giá được thể hiện tóm tắt như sau:

Bảng 3: Tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2013

		<i>Đơn vị: triệu đồng</i>		
TT	Chủng loại tài sản	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
A	Tài sản cố định (=1+2+3)	66,771	16,356	50,415
1	TSCĐ hữu hình	37,721	13,408	24,313
1.1	Nhà cửa, vật kiến trúc	28,789	6,286	22,503
1.2	Máy móc thiết bị	5,330	4,476	854
1.3	Phương tiện vận tải	3,412	2,559	852
1.4	Tài sản cố định khác	191	87	103
2	TSCĐ vô hình	28,800	2,948	25,852
3	Chi phí XDCB dở dang	249	-	249

Nguồn: BCTC năm 2013 được kiểm toán của Sovilaco

- ✚ Nhà cửa, vật kiến trúc: Chủ yếu là trụ sở, văn phòng làm việc của Công ty và Trường trung cấp nghề Nhân lực Quốc tế.
- ✚ Máy móc thiết bị: bao gồm máy móc thiết bị các loại dùng tại trụ sở Công ty và Trường trung cấp nghề Nhân lực Quốc tế như: thang máy, trạm biến áp, máy phát điện dự phòng, hệ thống phòng cháy chữa cháy.
- ✚ Phương tiện vận tải: gồm các xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.
- ✚ Tài sản cố định khác: bao gồm các thiết bị văn phòng như máy vi tính, máy photocopy...
- ✚ Tài sản cố định vô hình: là giá trị các phần mềm kế toán, hệ thống website và giá trị quyền sử dụng đất.



Từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp tới 31/12/2014 - Quý gần nhất trước thời điểm chào bán, tình hình tài sản cố định của Công ty không có biến động gì đáng kể.

2.2.2. Đất đai đang sử dụng

Hiện nay, Công ty TNHH MTV Xuất khẩu lao động – Thương mại và Du lịch đang quản lý và sử dụng 04 lô đất với tổng diện tích 4.023,1m². Cụ thể như sau:

Bảng 4: Danh mục đất đai Sovilaco đang quản lý và sử dụng

TT	Địa chỉ thửa đất	Diện tích đất (m ²)	Mục đích sử dụng	Giá trị tính vào GTDN (đồng)	Hình thức tại thời điểm xác định GTDN
1	Số 1 Phở Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	986.5	Làm văn phòng Công ty	-	Thuê đất, trả tiền hàng năm
2	Số 293 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	619.1	Đất cơ sở Giáo dục - Đào tạo (Trung tâm Đào tạo GD định hướng và giới thiệu việc làm)	25,781,687,630	Giao đất có thu tiền sử dụng đất
3	Số 6 đường Phan Đình Giót, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	1,110.5	Làm văn phòng trường trung cấp nghề Nhân lực Quốc tế	-	Thuê đất, trả tiền hàng năm
4	Phường 12, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	1,307.0	Làm trung tâm đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ và kiến thức cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài	2,300,320,000	Giao đất không thu tiền sử dụng đất

Nguồn: Báo cáo xác định giá trị doanh nghiệp

Tổng giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị doanh nghiệp là: **28.082.007.630 đồng**.

Hiện tại phương án sử dụng đất chưa có ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và Bộ Tài chính và giá đất để xác định giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá là giá đất do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh công bố tại thời điểm gần nhất theo quy định của pháp luật về đất đai, chưa phải là giá đất sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất có mục đích sử dụng tương tự thực tế trên thị trường do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xác định. Do vậy, khi thực hiện giao đất, UBND thành phố Hồ Chí Minh sẽ thực hiện rà soát, xác định chính thức nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất giao theo giá sát với chuyển nhượng quyền sử dụng đất có mục đích sử dụng tương tự thực tế trên thị



trường tại thời điểm giao đất. Khi đó doanh nghiệp cổ phần hoá có trách nhiệm nộp ngân sách nhà nước toàn bộ khoản tiền này (bao gồm cả chênh lệch với giá tạm tính (nếu có)) để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc ký hợp đồng thuê đất theo quy định của pháp luật hiện hành về đất đai.

2.3. Thực trạng tài chính và công nợ

Thực trạng về tài chính và công nợ của Sovilaco theo sổ sách kế toán sau khi đã xử lý tài chính tại thời điểm ngày 31/12/2013 như sau:

 Các khoản phải thu	13.169.619.990 đồng
- Phải thu ngắn hạn	13.169.619.990 đồng
- Phải thu dài hạn	0 đồng
 Nợ phải trả	73.732.752.097 đồng
- Nợ ngắn hạn	25.143.855.197 đồng
<i>Trong đó, Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	<i>(838.957.666) đồng</i>
- Nợ dài hạn	48.588.896.900 đồng

Nguồn: Báo cáo xác định giá trị doanh nghiệp

2.4. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý

 Đối với các khoản phải thu: Hiện nay Công ty còn 03 khoản thu khó đòi cần tiếp tục theo dõi và thu hồi, cụ thể như sau:

- (i) Khoản phải thu Công ty A.F.A số tiền là 3.424.350.702 đồng. Khoản thu này đã được Công ty trích lập dự phòng 100% và đã có bản án của Toà án Quận Tân Bình yêu cầu Công ty A.F.A phải trả cho Sovilaco số tiền 4.522.237.125 đồng bao gồm cả gốc và lãi trả chậm. Tuy nhiên, hiện nay bản án này vẫn không có khả năng thi hành án do đối tác không có khả năng về tài chính. Hiện tổ thu hồi công nợ của Công ty vẫn đang tiếp tục làm việc để thu hồi dần theo tiến độ.
- (ii) Nợ phải thu của cán bộ công nhân viên Trường Trung cấp nghề Nhân lực Quốc tế với số tiền là 1.324.167.570 đồng. Đây là khoản ứng trước tiền lương, thưởng cho CBCNV năm 2007 – 2008. Do khủng hoảng tài chính toàn cầu nên hoạt động kinh doanh của Trường cũng bị ảnh hưởng, do đó không có đủ nguồn thu để bù đắp và thu hồi các khoản đã chi lương cho

CBCNV. Mặt khác, hiện nay số CBCNV nhận khoản lương trên cũng đã nghỉ và chuyển đi nơi khác làm việc tương đối nên khoản nợ phải thu này là không có khả năng thu hồi. Hiện Công ty đã họp và đưa ra giải pháp thu hoàn dần khi chuyển sang công ty cổ phần.

- (iii) Khoản phải thu Công ty Sáng kiến Ý số tiền là 1.239.374.594 đồng. Khoản phải thu này phát sinh từ hợp đồng cho chương trình đầu bếp tại Hàn Quốc ký với Trường Trung cấp nghề Nhân lực Quốc tế. Công ty Sáng kiến Ý không hoàn trả lại tiền cho học viên và Trường đã phải ứng tiền để hoàn trả cho học viên tránh việc bị kiện tụng gây ảnh hưởng xấu tới uy tín và hình ảnh của Sovilaco. Công ty sẽ chuyển khoản nợ này thành nợ khó đòi và trích lập dự phòng theo quy định khi chuyển sang công ty cổ phần để tiếp tục theo dõi và quản lý.

 Đối với khoản góp vốn liên doanh, liên kết

Ngày 12/03/2008, Sovilaco đã ký hợp đồng chuyển nhượng vốn góp tại dự án xây dựng nhà ở và thành lập Công ty CP Đầu tư – Phát triển Địa Lợi cho Công ty Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước tại TP. Hồ Chí Minh (WASECO) để chuyển nhượng khoản góp vốn liên doanh, liên kết với Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nhà Vĩnh Hưng đã thực hiện ngày 23/04/2007. Công ty mới thu được một phần tiền của hợp đồng chuyển nhượng với WASECO và đã hạch toán vào doanh thu năm 2008. Tuy nhiên cho đến nay dự án nhà Vĩnh Hưng chưa hoàn thành nên WASECO vẫn chưa thanh toán cho Sovilaco số tiền còn lại của hợp đồng để tiến hành thanh lý hợp đồng. Hiện nay, hợp đồng này đang có khiếu kiện và toà án đang thụ lý hồ sơ từ phía WASECO.

3. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG 3 NĂM TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HOÁ

3.1. Tình hình hoạt động kinh doanh

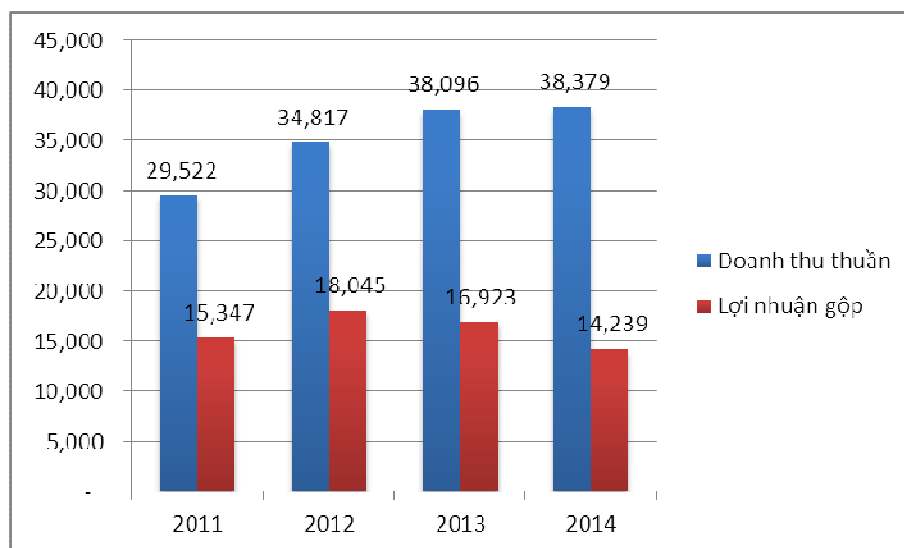
3.1.1. Giá trị dịch vụ qua các năm

Các nhóm dịch vụ Công ty đang cung cấp, kinh doanh bao gồm:

- Dịch vụ cung ứng lao động xuất khẩu đi làm việc tại nước ngoài: chủ yếu là cung cấp lao động cho thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc, Malaysia;
- Dịch vụ đào tạo phục vụ xuất khẩu lao động;
- Cho thuê văn phòng;
- Dịch vụ du lịch.

Biểu đồ doanh thu thuần và lãi gộp của Công ty giai đoạn 2011 – 2014

Đơn vị tính: triệu đồng



3.1.2. Cơ cấu doanh thu thuần và chi phí kinh doanh trước CPH

Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty trước cổ phần hoá

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu thuần qua các năm

Nhóm dịch vụ	<i>Đơn vị tính: triệu đồng</i>							
	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu xuất khẩu lao động	15,683	53.12	13,682	42.96	18,613	48.86	20,699	53.93
Doanh thu vé MB và DL	1,810	6.13	5,598	17.58	6,734	17.68	5,460	14.23
Doanh thu thuê văn phòng	8,200	27.78	7,716	24.23	7,403	19.43	7,301	19.02
Doanh thu đào tạo	3,829	12.97	4,851	15.23	5,346	14.03	4,919	12.82
Tổng cộng	29,522	100	31,847	100	38,096	100	38,379	100

Nguồn: Sovilaco

Cơ cấu chi phí kinh doanh so với doanh thu thuần của Công ty trước CPH

Bảng 6: Cơ cấu chi phí kinh doanh qua các năm

Yếu tố chi phí	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Giá trị	%/DT	Giá trị	%/DT	Giá trị	%/DT	Giá trị	%/DT
Giá vốn hàng bán	14,175	48.02	16,772	52.66	21,173	55.58	24,140	62.90
Chi phí bán hàng	1,469	4.98	2,661	8.36	987	2.59	818	2.13
Chi phí quản lý DN	16,699	56.56	14,827	46.56	17,334	45.50	13,870	36.14
Tổng cộng	32,343	109.56	34,260	107.58	39,494	103.67	38,828	101.17
Doanh thu thuần	29,522		31,847		38,096		38,379	

Đơn vị tính: triệu đồng

Nguồn: Sovilaco

Trong thời gian vừa qua, chi phí kinh doanh của Công ty chủ yếu là chi phí giá vốn và chi phí quản lý doanh nghiệp. Tỷ trọng chi phí so với tổng doanh thu giai đoạn 2011 – 2014 không có biến động nhiều. Sở dĩ như vậy là công tác kiểm soát chi phí của Công ty khá tốt và có nhiều biện pháp tiết kiệm chi phí (chi phí quản lý, chi phí tạo nguồn, chi phí điện nước, văn phòng phẩm, quản lý và tích cực thu hồi công nợ).

3.1.3. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Công ty chủ yếu chú trọng vào việc nghiên cứu, mở rộng các thị trường có thu nhập cao (như Nhật Bản, Hàn Quốc), song song với việc duy trì các thị trường truyền thống. Đồng thời, Công ty cũng đầu tư vào việc đào tạo lao động trước khi đưa lao động ra nước ngoài làm việc.

3.1.4. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ

Tăng cường công tác thanh kiểm tra, đánh giá điều chỉnh. Phát huy những yếu tố tích cực trong hoạt động xuất khẩu lao động, đồng thời có những biện pháp xử lý với những trường hợp có hành vi vi phạm. Tăng cường thanh kiểm tra theo chuyên đề như đào tạo, giáo dục định hướng, tuyển chọn, tài chính, quản lý lao động đang làm việc tại nước ngoài. Kết hợp kiểm tra, thanh tra và phổ biến hướng dẫn chính sách và pháp luật liên quan đến hoạt động xuất khẩu lao động.



Tăng cường quản lý lao động tại nước ngoài: Công ty tiếp tục quan hệ với các cơ quan như Cục quản lý Lao động ngoài nước, Ban quản lý lao động tại các nước nhằm giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh. Công ty bố trí cán bộ quản lý tại nước ngoài, tiến hành tổ chức các hoạt động cung cấp sách báo cho người lao động thông tin về đất nước và gia đình cho người lao động.

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý hoạt động xuất khẩu lao động của doanh nghiệp.

Tiến hành phân tích cho từng chức danh công việc cụ thể của cán bộ quản lý hoạt động xuất khẩu lao động. Tăng cường đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ. Sử dụng tiền lương, tiền công như là một đòn bẩy kinh tế, tạo động lực thúc đẩy cán bộ quản lý và công tác thị trường nhiệt tình hơn với công việc. Công tác quản lý lao động và công tác khai thác thị trường là nhân tố quan trọng của hoạt động xuất khẩu lao động của Công ty.

3.1.5. Hoạt động Marketing

Công ty tăng cường các mối quan hệ sẵn có và không ngừng tạo thêm các mối quan hệ mới nhằm thu hút số lượng lớn các hợp đồng dịch vụ. Bên cạnh việc tạo mối quan hệ, Công ty luôn lấy mục tiêu đảm bảo số lượng, chất lượng lao động và giữ đúng cam kết với đối tác. Đây là cách quảng bá tốt nhất để Công ty ngày càng nhận được sự tín nhiệm từ các đối tác. Nhìn chung, Công ty đã khẳng định được lòng tin với đối tác là doanh nghiệp có trách nhiệm, uy tín, quan hệ gần gũi và thân thiện, coi trọng chất lượng dịch vụ, thực hiện nghiêm túc các cam kết, tôn trọng pháp luật và các quy định của nhà nước sở tại.

3.1.6. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Công ty đã thực hiện đăng ký nhãn hiệu đối với logo và thương hiệu của Công ty kể từ ngày 12/07/2005.

3.1.7. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

Công ty đã ký kết hợp đồng và đã đưa được nhiều lao động sang làm việc tại Nhật Bản, Hàn Quốc, Malaysia, Singapore...



Đối với các mảng dịch vụ khác, Công ty cũng đã ký kết được các hợp đồng lớn với các đối tác trong nước như:

- Hợp đồng Đại lý bán dịch vụ vận chuyển hành khách với Chi nhánh Tổng công ty Hàng không Việt Nam khu vực Miền Nam;
- Hợp đồng Đại lý với Công ty CP Hàng không JETSTAR PACIFIC AIRLINES;
- Hợp đồng du lịch với Ban Tuyên giáo thành ủy – TP.Hồ Chí Minh;
- Hợp đồng cho thuê mặt bằng với các đối tác có nhu cầu;...

3.2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 3 năm trước CPH

3.2.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty giai đoạn các năm trước khi cổ phần hoá được tóm tắt ở bảng sau:

**Bảng 7: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
và tình hình tài chính trước CPH**

		Đơn vị tính: triệu đồng			
TT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Tổng tài sản	115,875	105,304	109,893	109,319
2	Vốn chủ sở hữu ⁽¹⁾	26,142	26,142	26,142	27,248
3	Nợ phải trả	79,830	68,918	73,575	75,074
3.1	Nợ ngắn hạn	29,022	22,048	24,986	27,058
	<i>Trong đó: Nợ quá hạn</i>				
3.2	Nợ dài hạn	50,807	46,870	48,589	48,016
	<i>Trong đó: Nợ quá hạn</i>				
4	Nợ phải thu	10,864	9,246	10,177	13,637
	<i>Trong đó: Nợ khó đòi</i>	3,424	3,424	3,424	3,424
5	Tổng số lao động	115	110	114	105
6	Tổng quỹ lương				
6	Thu nhập bình quân/NLĐ/tháng	6.1	6.1	7.6	7.5
7	Tổng doanh thu thuần về bán hàng và	29,522	31,847	38,096	38,379
8	Tổng chi phí giá vốn, bán hàng,	32,343	34,260	39,494	38,828
9	Lợi nhuận trước thuế	663	516	566	663
10	Lợi nhuận sau thuế	536	392	444	479
	Một số chỉ tiêu tài chính				
11	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
11.1	Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1.30	1.41	1.53	1.70
11.2	Hệ số thanh toán nhanh (lần)	1.30	1.41	1.53	1.70
12	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
12.1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.69	0.65	0.67	0.69
12.2	Hệ số Nợ ngắn hạn/Tổng tài sản	0.25	0.21	0.23	0.25
12.3	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	3.05	2.64	2.81	2.76
13	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
13.1	Vòng quay hàng tồn kho (lần)	N/A	N/A	N/A	N/A
13.2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	25.5%	30.2%	34.7%	35.1%
14	Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
14.1	Tỷ suất LNST/Doanh thu thuần	1.8%	1.2%	1.2%	1.2%
14.2	Tỷ suất LNST/Vốn Nhà nước	2.0%	1.5%	1.7%	1.8%
14.3	Tỷ suất LNST/Tổng tài sản	0.5%	0.3%	0.4%	0.4%

Nguồn: Sovilaco

⁽¹⁾ Vốn chủ sở hữu không bao gồm quỹ khen thưởng phúc lợi, nguồn kinh phí và quỹ khác.

3.2.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty

Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Sovilaco trong giai đoạn 2011 – 2014:

❖ Thuận lợi:

- Công ty luôn được các cơ quan ban ngành trung ương và thành phố Hồ Chí Minh quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc.
- Đội ngũ CBCNV quán triệt đường lối chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nắm vững chuyên môn nghiệp vụ.
- Công ty tiếp tục giữ vững các thị trường truyền thống và đẩy mạnh phát triển các thị trường mới cùng với mối liên kết chặt chẽ với các đơn vị đào tạo có nguồn lao động kỹ thuật có chất lượng tốt, nhờ đó đã đưa được nhiều lao động kỹ thuật đi làm việc tại các nước với thu nhập cao và ổn định... đã góp phần vào hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tạo điều kiện cho Công ty phát triển ổn định.
- Thị trường xuất khẩu lao động từng bước ổn định và mở rộng, việc chỉ đạo khai thác, củng cố và mở rộng thị trường đã được định hướng: tập trung khai thác, củng cố các thị trường trọng điểm, từng bước tiếp cận, thí điểm để mở rộng sang các khu vực.
- Nội bộ Công ty luôn có sự đoàn kết thống nhất giữa Đảng bộ, các tổ chức đoàn thể và CBCNV, cùng sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban chức năng và các trường cùng thực hiện nhiệm vụ đã tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động của Công ty.
- Đội ngũ CBCNV tích lũy được nhiều kinh nghiệm, từng bước trưởng thành về nhiều mặt, phát huy được sức mạnh tập thể, năng lực cá nhân, thích nghi với yêu cầu và đòi hỏi đổi mới sau khi chuyển đổi mô hình hoạt động, đặc biệt ý thức trách nhiệm của đội ngũ CBCNV được nâng lên rõ rệt.

❖ Những khó khăn, tồn tại

- Về công tác thị trường: hoạt động xuất khẩu lao động là lĩnh vực kinh doanh đặc thù, chứa ẩn nhiều rủi ro; một số quy định của Nhà nước về chi phí, chi phí môi giới, chi phí khai thác thị trường chưa bao quát hết

thực tế. Do khủng hoảng kinh tế tài chính toàn cầu, thị trường xuất khẩu lao động bị ảnh hưởng không nhỏ, nhu cầu sử dụng nhân lực của các nước giảm mạnh, cạnh tranh cả trong và ngoài nước ngày càng diễn biến phức tạp, nhu cầu về chất lượng lao động ngày càng cao và điều không kém quan trọng là tình trạng lao động vi phạm, bỏ trốn ra ngoài sông và làm việc bất hợp pháp đang là những nhân tố gây ảnh hưởng rất lớn đến việc tìm kiếm và củng cố các thị trường chính của Công ty (như thị trường Nhật Bản, Malaysia, Hàn Quốc).

- Về nguồn lao động: Đa phần lao động không biết ngoại ngữ trước khi trúng tuyển. Việc đào tạo ngoại ngữ trong thời gian ngắn từ 2 đến 4 tháng trước khi lao động xuất cảnh cũng chỉ mới đáp ứng một phần nhu cầu giao tiếp thông thường. Nguồn nhân lực trong nước chỉ đáp ứng các nghề đơn giản, các nghề đòi hỏi trình độ trung bình và chủ yếu là lao động phổ thông. Nhiều đối tác yêu cầu thợ có trình độ có tay nghề cao hoặc lao động có trình độ chuyên môn và yêu cầu ngoại ngữ cao thì chưa đáp ứng kịp thời. Đặc biệt trong thời gian gần đây, lao động không còn quan tâm đến thị trường Malaysia nên việc tuyển lao động rất khó khăn phải đi vào các vùng sâu vùng xa tuyên truyền vận động, chi phí tuyển chọn tăng cao.
- Về hoạt động kinh doanh cho thuê văn phòng: Hiện nay nhu cầu thuê văn phòng tại thành phố Hồ Chí Minh giảm do cung nhiều hơn cầu, cạnh tranh giá thuê giảm. Công ty phải có chính sách ưu đãi giảm giá theo mặt bằng chung nên doanh thu thuê nhà giảm.

3.3. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành

3.3.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Vị thế và thương hiệu SOVILACO trên thị trường xuất khẩu lao động đã được biết đến ở phạm vi cả nước và quốc tế, được các đối tác đánh giá cao. Công ty luôn không ngừng tạo ra cho mình những bước phát triển, những mục tiêu để doanh nghiệp ổn định và phát triển.

Từ một đơn vị trực thuộc Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, khi chuyển sang hình thức Công ty TNHH một thành viên (tháng 6 năm 2010), Công ty đã kiện

toàn và phát triển, trở thành một doanh nghiệp có uy tín và là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực đưa lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài với nhiều nhóm ngành nghề đa dạng và có kỹ thuật cao, các dịch vụ do Công ty cung cấp được chấp nhận và đánh giá cao.

Công ty đã có vị thế vững chắc trên thị trường do biết tập trung phát triển vào dịch vụ cốt lõi là các dịch vụ liên quan đến cung ứng lao động quốc tế.

3.3.2. Triển vọng phát triển của ngành

Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, xuất khẩu lao động là một nhu cầu tất yếu trong sự phát triển của kinh tế thị trường. Đây cũng là cơ hội để người lao động được đào tạo bồi dưỡng, học nghề và tiếp thu kỹ thuật tiên tiến, tác phong công nghiệp ở các nước khác, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống bản thân và gia đình, góp phần xây dựng đội ngũ lao động cho công cuộc xây dựng đất nước.

Theo Cục Quản lý lao động ngoài nước, hiện nay có khoảng 500.000 lao động Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài, tập trung nhiều tại Hàn Quốc, Đài Loan, Malaysia,.. và tập trung nhiều nhất tại Nhật Bản. Mỗi năm họ gửi về nước gần 2 tỷ USD.

Với chính sách đẩy mạnh xuất khẩu lao động, triển vọng phát triển của ngành xuất khẩu lao động nói chung và của Sovilaco nói riêng là hết sức thuận lợi trong thời gian tới.

3.3.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước

Nước ta có môi trường chính trị, xã hội, pháp luật khá ổn định, kinh tế, ngoại giao hội nhập sâu rộng với quốc tế và tốc độ tăng trưởng ổn định.

Triển vọng trong dịch vụ cung ứng lao động quốc tế khá tốt, nhu cầu tuyển lao động tại Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc ngày càng tăng, thị trường Trung Đông đã gia tăng trở lại việc tiếp nhận lao động nước ngoài.

Chính phủ Hàn Quốc mới đồng ý cho phép lao động Việt Nam tiếp tục sang làm việc theo chương trình EPS và loại hình thuyền viên làm việc trên các tàu cá gần bờ vẫn tiếp nhận lao động và có xu hướng tăng. Bên cạnh đó, thị trường Nhật Bản



cũng đã mở rộng với số lượng lớn lao động, thị trường Malaysia cũng tăng lương 45%, là tín hiệu tốt cho xuất khẩu lao động trong năm 2015 và các năm tiếp theo.

Nhu cầu lao động tại các nước phát triển còn tương đối lớn, đặc biệt các ngành nghề đem lại thu nhập cao như chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi, giúp việc gia đình.

Bộ Lao động Thương binh và xã hội đã có thêm các thỏa thuận về lao động với các quốc gia mới, giúp các doanh nghiệp khai mở thị trường, xây dựng và thực hiện các dự án nhằm nâng cao chất lượng lao động.

Tuy nhiên thị trường lao động còn nhiều thách thức: Tình hình chính trị thế giới bất ổn, đặc biệt là tình hình Trung Đông, một thị trường lớn và nhiều tiềm năng; Trình độ tay nghề và ngoại ngữ của người lao động còn hạn chế ảnh hưởng tới khả năng khai mở thị trường mới; Tình trạng lao động trốn ra ngoài làm việc còn phổ biến, cần phải có những biện pháp quyết liệt để khắc phục.

PHẦN III

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HOÁ

1. MÔ HÌNH TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG SAU CỔ PHẦN HOÁ

1.1. Tên gọi và các thông tin cơ bản

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
CÔNG TY CỔ PHẦN NHÂN LỰC QUỐC TẾ SOVILACO
- Tên giao dịch quốc tế : SOVILACO INTERNATIONAL MANPOWER
JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : SOVILACO
- Trụ sở chính : số 01 Phở Quang, phường 2, quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84-8) 3997 6320 Fax: (84-8) 3997 6321
- Email : sovilaco@fpt.com.vn
- Websie : www.sovilaco.com.vn

- Biểu trưng (logo):



Hình thức pháp lý

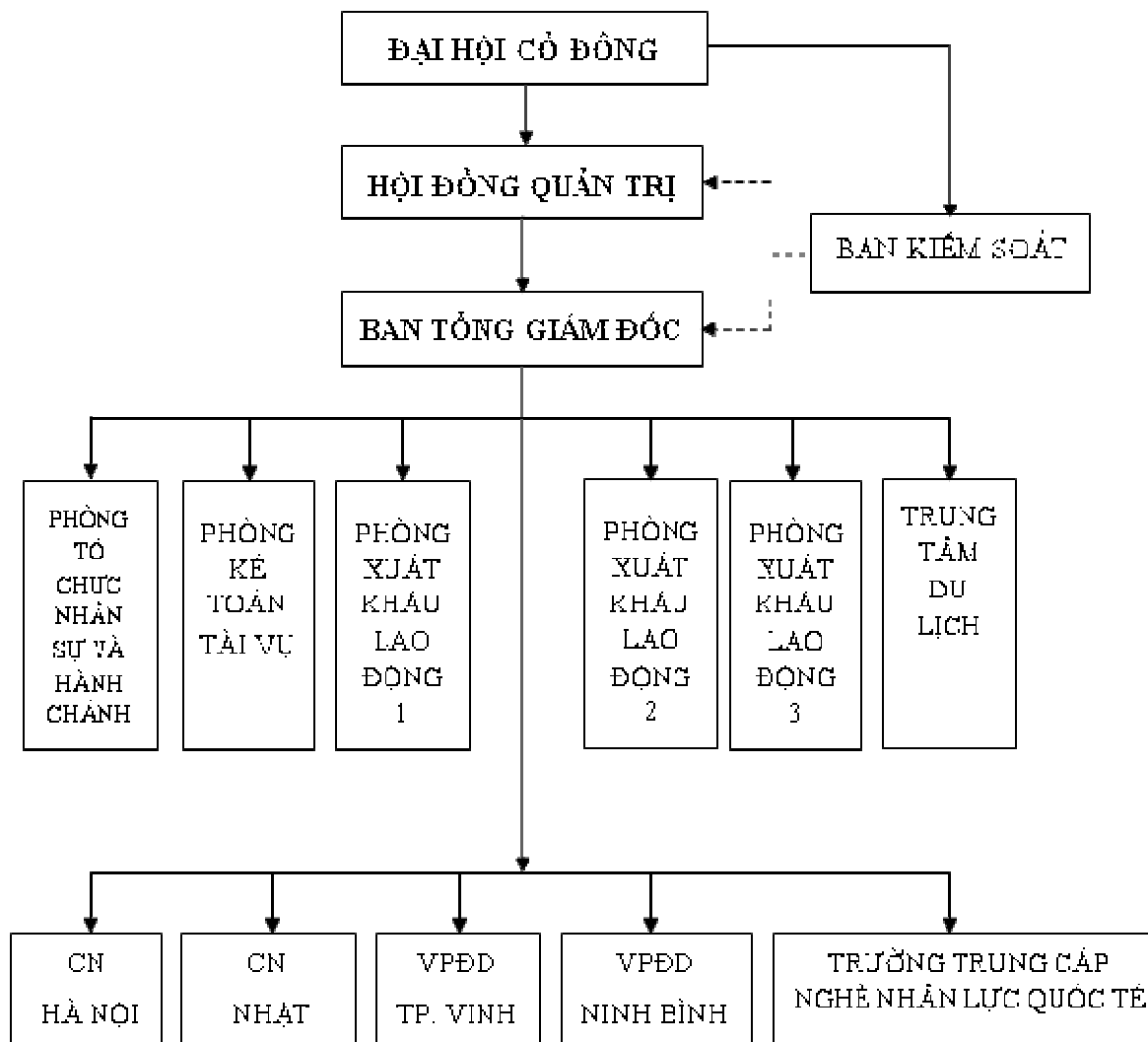
Công ty là công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập; có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật; tổ chức và hoạt động theo Điều lệ của Công ty cổ phần Nhân lực Quốc tế SOVILACO và Luật doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.

Nghành nghề kinh doanh dự kiến

- Đưa lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài và các dịch vụ phục vụ người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo quy định của pháp luật;
- Kinh doanh du lịch trong nước và quốc tế;
- Dạy nghề;
- Dạy ngoại ngữ và giáo dục định hướng đối với người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài và theo nhu cầu xã hội;
- Tư vấn du học nước ngoài;
- Cho thuê văn phòng;
- Xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Đại lý bán vé máy bay.

1.2. Phương án tổ chức và quản lý điều hành Doanh nghiệp sau CPH

Cơ cấu tổ chức của Công ty sau cổ phần hoá



Ghi chú:

- > Quan hệ điều hành
- - - - -> Quan hệ kiểm soát

- ❖ **Đại hội đồng cổ đông:** Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty cổ phần.



- ❖ **Hội đồng quản trị:** Là tổ chức quản lý công ty cổ phần do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty nhưng không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- ❖ **Ban kiểm soát:** do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành của công ty.
- ❖ **Ban Tổng Giám đốc:** Bao gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc phụ trách từng lĩnh vực. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty cổ phần và chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- ❖ **Kế toán trưởng:** do Hội đồng quản trị công ty cổ phần quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc về theo dõi, giám sát tình hình tài chính, báo cáo tài chính, thuế của công ty cổ phần.
- ❖ **Các phòng, ban chức năng tại Công ty, gồm:**
 - Phòng Tổ chức nhân sự và Hành chính;
 - Phòng Kế toán – Tài vụ;
 - Các phòng Xuất khẩu lao động 1,2 và 3;
 - Trung tâm du lịch;
 - Văn phòng đại diện tại TP. Vinh và Ninh Bình;
- ❖ **Các đơn vị trực thuộc Công ty, gồm:**
 - Trường Trung cấp nghề Nhân lực Quốc tế;
 - Chi nhánh Công ty tại Hà nội.
 - Chi nhánh Nhật Bản
- ❖ **Các tổ chức chính trị và chính trị - xã hội:** Các tổ chức Đảng, đoàn thể trong Công ty hoạt động theo khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của từng tổ chức.

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng ban chức năng của Công ty do luật pháp, Điều lệ công ty cổ phần, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.



2. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ

2.1. Vốn điều lệ của Công ty cổ phần

Để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh sau quá trình cổ phần hoá, vốn điều lệ của Sovilaco được xác định như sau:

- Vốn điều lệ : 32.708.580.000 đồng
- Mệnh giá một cổ phần : 10.000 đồng
- Số lượng cổ phần : 3.270.858 cổ phần

2.2. Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến theo phương án cổ phần hoá được phê duyệt

Cơ cấu sở hữu cổ phần trong vốn điều lệ lần đầu theo phương án cổ phần hoá được phê duyệt như sau:

Bảng 8: Cơ cấu vốn điều lệ của Công ty theo phương án CPH

TT	Đối tượng	Giá trị theo mệnh giá	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %
1	Nhà nước	24,531,430,000	2,453,143	75.00%
2	Người lao động	3,463,000,000	346,300	10.59%
	<i>Cổ phần bán ưu đãi theo thâm niên công tác</i>	<i>1,056,000,000</i>	<i>105,600</i>	<i>3.23%</i>
	<i>Cổ phần bán ưu đãi theo cam kết làm việc tiếp</i>	<i>2,407,000,000</i>	<i>240,700</i>	<i>7.36%</i>
3	Cổ đông khác	4,714,150,000	471,415	14.41%
Tổng cộng		32,708,580,000	3270858	100%

Nguồn: Sovilaco

3. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HOÁ

3.1. Định hướng phát triển của Công ty

- ❖ Phát huy triệt để thế mạnh của Công ty về cơ sở vật chất và thiết bị hiện có kết hợp với sự đầu tư chiều sâu, cải tiến và đổi mới tổ chức quản lý, để bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp cao nhất, hướng tới quy trình quản lý theo tiêu chuẩn ISO, giảm giá thành dịch vụ và tăng lợi nhuận.



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU
CÔNG TY TNHH MTV XK LAO ĐỘNG – TM VÀ DU LỊCH

- ❖ Từng bước đa dạng hoá ngành nghề sản xuất kinh doanh mà Công ty có lợi thế và thị trường có nhu cầu đảm bảo đủ việc làm thường xuyên cho người lao động.
- ❖ Tập trung xây dựng chiến lược phát triển của công ty cổ phần.
- ❖ Tìm các giải pháp phân đầu sản xuất kinh doanh có lãi, có tích lũy để ngày càng mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh.

3.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong 3 năm liền kể sau khi cổ phần hoá

Bảng 9: Kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2015 - 2017

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2015	2016	2017
1	Vốn điều lệ	1.000 VND	32,708,580	32,708,580	32,708,580
2	Doanh thu và doanh thu khác	1.000 VND	38,630,340	39,789,250	41,778,710
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>Doanh thu xuất khẩu lao động</i>	1.000 VND	<i>20,068,850</i>	<i>20,670,920</i>	<i>21,704,460</i>
	<i>Doanh thu vé MB và DL</i>	1.000 VND	<i>5,570,660</i>	<i>5,737,780</i>	<i>6,024,670</i>
	<i>Doanh thu thuê nhà</i>	1.000 VND	<i>7,111,750</i>	<i>7,325,100</i>	<i>7,691,360</i>
	<i>Doanh thu đào tạo</i>	1.000 VND	<i>4,347,630</i>	<i>4,478,060</i>	<i>4,701,960</i>
	<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>	1.000 VND	<i>1,528,960</i>	<i>1,574,830</i>	<i>1,653,570</i>
	<i>Doanh thu khác</i>	1.000 VND	<i>2,490</i>	<i>2,560</i>	<i>2,690</i>
3	Nộp ngân sách	1.000 VND	816,000	1,150,000	1,550,000
4	Lợi nhuận thực hiện	1.000 VND	1,216,000	2,310,000	3,044,000
5	Lợi nhuận sau thuế	1.000 VND	948,480	1,801,800	2,342,750
6	Thuế TNDN 22%	1.000 VND	267,520	508,200	660,770
7	Cổ tức bình quân	%	2.5%	3.0%	3.2%
8	Lao động bình quân	người	103	103	103

Nguồn: Sovilaco

3.3. Kế hoạch sử dụng đất sau cổ phần hoá

Công ty cổ phần tiếp tục quản lý và sử dụng các lô đất hiện có của Công ty TNHH MTV Xuất khẩu lao động – Thương mại và Du lịch theo nguyên tắc kế thừa quyền và nghĩa vụ của công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp 100% vốn Nhà



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU
CÔNG TY TNHH MTV XK LAO ĐỘNG – TM VÀ DU LỊCH

nước tại Điều 10 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ. Các lô đất cụ thể như sau:

TT	Địa chỉ thửa đất	Diện tích đất (m²)	Mục đích sử dụng	Hình thức tại thời điểm xác định GTDN
1	Số 1 Phở Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	986.5	Làm văn phòng Công ty	Thuê đất, trả tiền hàng năm
2	Số 293 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	619.1	Đất cơ sở Giáo dục - Đào tạo (Trung tâm Đào tạo GD định hướng và giới thiệu việc làm)	Giao đất có thu tiền sử dụng đất
3	Số 6 đường Phan Đình Giót, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	1,110.5	Làm văn phòng trường trung cấp nghề Nhân lực Quốc tế	Thuê đất, trả tiền hàng năm
4	Phường 12, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	1,307.0	Làm trung tâm đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ và kiến thức cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài	Giao đất không thu tiền sử dụng đất

Nguồn: Sovilaco

3.4. Giải pháp thực hiện

3.4.1. Về công tác quản lý

Sau khi thực hiện chuyển đổi hình thức hoạt động của doanh nghiệp sang Công ty cổ phần, Sovilaco sẽ chú trọng đến công tác quản trị doanh nghiệp, đặc biệt là quản trị nguồn nhân lực.



Trước tiên, Sovilaco sẽ tiến hành tổ chức lại bộ máy và nhân lực theo hướng tinh gọn, hiệu quả theo mô hình hoạt động mới – công ty cổ phần. Hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ phù hợp. Tăng cường trách nhiệm của HĐQT và Ban điều hành; tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá doanh nghiệp.

Tiến hành xây dựng phương pháp quản trị doanh nghiệp một cách toàn diện và hiệu quả. Xây dựng cơ chế, quy chế quản trị phù hợp với các chuẩn mực tiên tiến cho Công ty để nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Xây dựng, cải tiến các tiêu chuẩn quản lý chất lượng cho các quy trình nghiệp vụ, phương án giảm thiểu rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

Đồng thời, Sovilaco cũng sẽ chú trọng tới việc nâng cao năng lực nhân sự thông qua các khoá đào tạo, đào tạo lại đội ngũ CBCNV; có chính sách thu hút nhân lực trình độ cao về Công ty làm việc; xây dựng lại quy chế tiền lương, tiền thưởng đảm bảo môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả, phát huy tối đa năng lực của người lao động.

3.4.2. Tổ chức lại hoạt động kinh doanh

- Nguyên tắc tổ chức lại hoạt động kinh doanh là: Các đầu mối phải nhận thức rõ về chủ trương cổ phần hoá của Nhà nước để doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả hơn, người lao động phải được trả lương đúng và đủ; nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; tự cân đối tiền lương, thưởng, tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty và các cổ đông.
- Trong khi tổ chức lại sản xuất phải thống nhất cao các nguyên tắc quản trị doanh nghiệp là:
 - ✓ Thực hiện theo mục tiêu, chính sách chất lượng của doanh nghiệp;
 - ✓ Tăng cường kiểm soát chéo giữa các bộ phận.
- Hoàn thiện cơ sở vật chất, bổ sung đội ngũ giáo viên có trình độ cao, giáo dục định hướng cho người lao động để một mặt chủ động được nguồn lao động, mặt khác nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở hoàn thiện chương trình, nội dung và phương pháp đào tạo nguồn lao động xuất khẩu.



- Gia tăng số lượng và nâng cao chất lượng lao động xuất khẩu. Đồng thời, vẫn phải duy trì và tập trung vào việc xuất khẩu lao động phổ thông cho thị trường Malaysia nhằm giải quyết vấn đề việc làm cho người lao động, góp phần xoá đói giảm nghèo, giảm tỷ lệ thất nghiệp trong nước. Mặt khác, có các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn lao động xuất khẩu cho phù hợp với nhu cầu của thị trường, tiến tới phấn đấu để có đủ khả năng và điều kiện xuất khẩu lao động có kỹ thuật. Cụ thể là:
 - ✓ Hoàn thiện quy trình tuyển chọn, đào tạo lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài: Đổi mới công tác tuyển chọn lao động bằng phương thức gắn kết trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp. Phối hợp cùng với địa phương hỗ trợ người lao động vay vốn và tạo điều kiện làm các thủ tục cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài.
 - ✓ Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, quảng bá hoạt động XKLD tại các Trường Đại học, Cao đẳng, dạy nghề. Cung cấp các thông tin về chủ trương, chính sách của Đảng, các quy định pháp luật của Nhà nước về công tác xuất khẩu lao động; về thị trường, nhà máy, xí nghiệp nơi người lao động sẽ đến làm việc nhằm thu hút nguồn nhân lực kỹ thuật cao, có tay nghề tham gia XKLD.
 - ✓ Nâng cao chất lượng công tác đào tạo ngoại ngữ, giáo dục định hướng cho người lao động, bổ sung thêm các nội dung giáo dục định hướng thiết thực, bằng các dẫn chứng thực tế giáo dục làm cho người lao động hiểu rõ tác hại của việc vi phạm hợp đồng.
- Triển khai có hiệu quả hơn nữa mô hình liên kết về xuất khẩu lao động nhằm giảm phiền hà và tốn kém cho người lao động. Kết hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để tuyển lao động; công khai minh bạch với chính quyền địa phương và người lao động về các điều kiện của hợp đồng, đặc biệt là các khoản đóng góp của người lao động, qua đó giúp cho người lao động giảm được các chi phí không cần thiết, tạo điều kiện làm các thủ tục hành chính và vay vốn trang trải cho những chi phí ban đầu tại các Ngân hàng địa phương.
- Rút ngắn thời gian từ khi người lao động có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài đến khi họ được xuất cảnh, đặc biệt là giảm thiểu thời gian làm thủ tục và thời

gian chờ đợi của người lao động. Đây là một trong các giải pháp góp phần giảm chi phí phát sinh ban đầu của người lao động nhằm thu hút đông đảo người lao động đi xuất khẩu lao động.

- Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý lao động ở nước ngoài. Với mỗi thị trường, cần có các giải pháp thích hợp nhằm giảm thiểu các rủi ro có xảy ra do việc quản lý lao động gây nên. Xử lý kiên quyết những trường hợp lao động vi phạm hợp đồng, yêu cầu phải bồi thường thiệt hại cho doanh nghiệp theo các điều khoản của hợp đồng đã ký.
- Tiếp tục đầu tư đổi mới công nghệ.

3.4.3. Liên doanh liên kết

- Nhằm mục đích đầu tư phát triển hơn nữa các mặt hoạt động của Công ty.
- Thu hút các nguồn vốn cho SXKD từ các nhà đầu tư chiến lược, các đơn vị liên doanh liên kết, các cổ đông thông qua hợp tác đầu tư vào cơ sở vật chất và công nghệ.

PHẦN IV : THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẦU GIÁ

1. CÁC RỦI RO DỰ KIẾN

Nhà đầu tư tiềm năng nên xem xét kỹ lưỡng các vấn đề cần quan tâm nêu dưới đây, ngoài những thông tin khác được cung cấp trong Bản CBTT này trước khi quyết định mua cổ phần.

Việc một hoặc nhiều rủi ro nêu dưới đây xảy ra có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến tình hình kinh doanh, tài chính hoặc kết quả hoạt động của Sovilaco, và có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu. Những vấn đề cần quan tâm và những khả năng không chắc chắn khác mà Sovilaco hiện không biết đến hoặc cho là không quan trọng cũng có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến việc đầu tư vào cổ phiếu Sovilaco.

1.1. Rủi ro về kinh tế

Sự ổn định và vững mạnh của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới là điều kiện hết sức quan trọng và cần thiết cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung. Những năm vừa qua, khủng hoảng tài chính toàn cầu và suy



thoái kinh tế đã tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế thế giới, trong đó có Việt Nam. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam bị giảm sút so với giai đoạn trước năm 2008, cụ thể như sau:

Năm	2010	2011	2012	2013	2014
Tăng trưởng GDP thực tế	6.42%	6.24%	5.25%	5.42%	5.98%

Nguồn: <http://www.mof.gov.vn/>

Với các tín hiệu tích cực của kinh tế vĩ mô, rủi ro kinh tế sẽ giảm bớt và hoạt động của doanh nghiệp sẽ khả quan hơn trong thời gian tới.

Hoạt động chủ yếu của Sovilaco là đưa lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài và các dịch vụ phục vụ người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo quy định của pháp luật. Trong khi đó hoạt động này là sản phẩm phụ thuộc vào nhu cầu phát triển kinh tế của các nước đối tác. Do đó, nhìn chung hoạt động kinh doanh của Công ty ít nhiều bị tác động từ rủi ro kinh tế.

1.2. Rủi ro pháp lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau như Luật Doanh nghiệp, Luật Xuất khẩu lao động,...

Hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tính hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, có thể thấy được mặt tích cực từ những thay đổi này, đó là tạo ra hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học, phù hợp với hệ thống pháp luật và thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài cũng như giúp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước tiến hành thuận lợi hơn.

1.3. Rủi ro đặc thù

Rủi ro trong hoạt động xuất khẩu lao động từ phía người sử dụng lao động không nhiều, chủ yếu đến từ phía người lao động như người lao động phá vỡ hợp đồng. Rủi ro từ an toàn lao động bên nước ngoài cũng là vấn đề đáng quan tâm. Ngoài ra, rủi ro bị phá vỡ hợp đồng từ các đối tác không phải là không có, đôi khi đến từ những lý do khách quan, thay đổi chính sách phát triển dẫn đến nhu cầu lao động thay đổi. Ngoài ra phải lưu ý đến những rủi ro từ các yếu tố chiến tranh, thiên tai

tại các nước tiếp nhận lao động, khiếu kiện phải đưa người lao động về nước trước hạn.

1.4. Rủi ro của đợt chào bán cổ phần

Việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của Sovilaco chịu ảnh hưởng lớn bởi tình hình thị trường chứng khoán và diễn biến của nền kinh tế. Những yếu tố, thông tin bất lợi về thị trường chứng khoán và kinh tế vĩ mô sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của các nhà đầu tư và khả năng hấp thụ của thị trường. Đây là đợt chào bán không có đơn vị bảo lãnh phát hành nên đợt bán đấu giá này có thể không thành công như kỳ vọng, tức là tổng khối lượng cổ phần được mua thấp hơn khối lượng chào bán. Khi đó, số cổ phần không chào bán hết sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 40 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, cụ thể như sau:

“Ban Chỉ đạo cổ phần hóa được quyền chào bán công khai tiếp số lượng cổ phần không bán hết cho các nhà đầu tư đã tham dự đấu giá theo phương thức thỏa thuận trực tiếp. Các nhà đầu tư từ chối mua cổ phần sẽ không được nhận lại tiền đặt cọc khi tham dự đấu giá.

Trường hợp chào bán công khai theo phương thức thỏa thuận mà vẫn không bán hết thì Ban Chỉ đạo cổ phần hóa báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa thực hiện điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu.

Ban Chỉ đạo cổ phần hóa và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm bổ sung vào dự thảo Điều lệ để thông qua Đại hội đồng cổ đông lần đầu về quyền bán tiếp phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần sau khi công ty cổ phần đã chính thức hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo phương án cổ phần hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh.”

Rủi ro của đợt chào bán, nếu xảy ra, sẽ làm thay đổi cơ cấu vốn điều lệ thực tế của Công ty so với cơ cấu dự kiến. Đồng thời, làm giảm thặng dư vốn cổ phần, qua đó phần nào ảnh hưởng tới việc thực hiện các kế hoạch kinh doanh của Công ty sau khi cổ phần hoá.

1.5. Rủi ro khác

Bên cạnh các rủi ro trên, hoạt động của Công ty còn chịu ảnh hưởng bởi một số rủi ro bất khả kháng như rủi ro thiên tai, động đất, sóng thần, hoả hoạn, nguồn nước ô nhiễm, chiến tranh,...



2. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN

2.1. Đối tượng mua cổ phần

- Đối tượng mua cổ phần bao gồm CBCNV của Công ty; tổ chức công đoàn Công ty; Nhà đầu tư chiến lược; và các Nhà đầu tư trong nước thông qua đấu giá (theo quy định tại Điều 6 và Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ; và Điều 3 Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính).
- Cổ phần phát hành cho CBCNV được phân phối thông qua 2 hình thức:
 - ✓ Theo thâm niên công tác trong khu vực nhà nước với giá bán được xác định bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá.
 - ✓ Theo hình thức đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần với giá bán được xác định là giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.
- Cổ phần phát hành cho các nhà đầu tư trong nước được chào bán thông qua hình thức đấu giá công khai.

2.2. Phương thức bán

2.2.1. Cổ phần người lao động và tổ chức công đoàn được mua ưu đãi

a) *Cổ phần CBCNV mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực nhà nước*

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị Định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “*Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước với giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)*”, theo đó:



- Tổng số CBCNV tại thời điểm công bố Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá (ngày 24/12/2014): 104 người.
- Tổng số CBCNV không đủ điều kiện mua cổ phần ưu đãi do không đủ 01 năm làm việc trong khu vực Nhà nước và không đủ điều kiện theo quy định: 08 người.
- Tổng số CBCNV đủ điều kiện và đăng ký mua cổ phần ưu đãi theo tiêu chuẩn làm việc trong khu vực Nhà nước: 96 người.
- Tổng số năm công tác của toàn bộ số CBCNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực nhà nước: 1.056 năm
- Tổng số cổ phần CBCNV được mua theo quy định của hình thức này là: 105.600 cổ phần với tổng mệnh giá là 1.056.000.000 đồng, chiếm 3,23% vốn điều lệ Công ty cổ phần.
- Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: Việc triển khai bán cổ phần cho CBCNV sẽ thực hiện sau khi bán đấu giá công khai ra công chúng.
- Giá bán: bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá.

b) *Cổ phần CBCNV mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần*

Theo quy định tại Khoản 2b Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là *“Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động mua thêm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được xác định là giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)”*, theo đó:

- Tổng số CBCNV đủ điều kiện mua cổ phần ưu đãi mua thêm theo quy định là: 96 người.
- Tổng số cổ phần CBCNV được mua theo quy định của hình thức này là: 240.700 cổ phần với tổng mệnh giá 2.407.000.000 đồng, chiếm 7,36% vốn điều lệ Công ty cổ phần.



- Thời gian thực hiện bán cổ phần ưu đãi mua thêm cho CBCNV: Việc triển khai bán cổ phần ưu đãi mua thêm cho CBCNV sẽ thực hiện sau khi bán đấu giá công khai ra công chúng.
- Giá bán: bằng giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá.

c) *Cổ phần bán ưu đãi cho Tổ chức công đoàn*

Tổ chức công đoàn không đăng ký mua cổ phần ưu đãi theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 36 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

2.2.2. *Cổ phần bán đấu giá công khai ra bên ngoài*

- Tổng số cổ phần thực hiện bán đấu giá công khai ra bên ngoài: 471.415 cổ phần, chiếm 7,36% vốn điều lệ Công ty cổ phần.
- Giá khởi điểm bán đấu giá cổ phần lần đầu: 10.000 đồng/cổ phần (theo Quyết định số 399/QĐ-LĐTBXH ngày 30/03/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Xuất khẩu Lao động – Thương mại và Du lịch (Sovilaco) thành công ty cổ phần).
- Tổ chức thực hiện bán đấu giá: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- Đối tượng tham gia đấu giá: Nhà đầu tư trong nước (bao gồm các nhà đầu tư là cá nhân người Việt Nam (kể cả người lao động trong doanh nghiệp cổ phần hoá) và các tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam) theo quy định tại Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ.

2.3. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

- Đối với nhà đầu tư mua thông qua đấu giá: thực hiện theo Quy chế đấu giá do Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh ban hành.
- Đối với CBCNV: thực hiện tại Doanh nghiệp theo danh sách đã được phê duyệt sau khi tổ chức bán đấu giá ra bên ngoài và xác định giá đấu thành công.



3. LOẠI CỔ PHẦN

- Tất cả cổ phần của Công ty Cổ phần Nhân lực Quốc tế Sovilaco tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông.
- Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

4. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HOÁ

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 42 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ và mục III Thông tư số 196/2011 /TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính.

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của Nhà nước tại Công ty Cổ phần Nhân lực Quốc tế Sovilaco, Công ty dự kiến kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước, tạm tính theo phương án giả sử tất cả số lượng cổ phần bán ra được bán hết với giá khởi điểm 10.000 đồng/cổ phần và giá đấu thành công thấp nhất là 10.000 đồng/cổ phần, chi tiết như sau:



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU
CÔNG TY TNHH MTV XK LAO ĐỘNG – TM VÀ DU LỊCH

		Đơn vị tính: đồng VN	
TT	Kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước	Số tiền	Ghi chú
1	Vốn Nhà nước thực tế tại Doanh nghiệp sau khi đánh giá lại	32,708,582,506	
2	Vốn điều lệ của Công ty cổ phần	32,708,580,000	
3	Vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần	24,531,435,000	=75%*(2)
4	Giá khởi điểm	10,000	
5	Tiền thu từ cổ phần hoá	7,754,752,506	= (5.1) + (5.2) + (5.3)
5.1	Thu từ bán cổ phần cho CBCNV	3,040,600,000	= (a) + (b)
a	- Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước (bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất)	633,600,000	
b	- Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần	2,407,000,000	
5.2	Thu từ bán đấu giá ra bên ngoài	4,714,150,000	
5.3	Thu chênh lệch giữa vốn Nhà nước theo kết quả xác định GTDN và vốn điều lệ sau CPH	2,506	= (1) - (2)
6	Giá trị mệnh giá cổ phần đã bán cho CBCNV, bán đấu giá ra bên ngoài	8,177,150,000	
7	Chi phí cổ phần hoá (sẽ được quyết toán theo chi phí thực tế sau khi kết thúc quá trình CPH)	500,000,000	
8	Chi phí giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư	-	
9	Phần thặng dư vốn để lại Doanh nghiệp tương ứng với tỷ lệ cổ phần phát hành thêm/Vốn điều lệ	-	
10	Số tiền thu từ bán cổ phần vốn nhà nước còn lại sau khi trừ đi các khoản theo quy định	7,254,752,506	= (5) - (7) - (8) - (9)

Nguồn: Phương án CPH được phê duyệt

Trường hợp không bán hết số lượng cổ phần bán ra ngoài theo cơ cấu vốn điều lệ trong Phương án, cho phép Công ty dùng phần vốn Nhà nước còn lại tại doanh

nghiệp và số tiền thu từ bán bớt phần vốn Nhà nước (nếu có) để điều chỉnh quy mô và cơ cấu vốn điều lệ trước khi Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu.

5. LỘ TRÌNH NIÊM YẾT, ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH SAU CỔ PHẦN HOÁ

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 14, Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 15/09/2014 quy định một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước, Công ty có nghĩa vụ;

- a) Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hoá phải hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng, đăng ký cổ phiếu để lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCoM theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- b) Trường hợp doanh nghiệp cổ phần hoá đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán, sau khi thực hiện các thủ tục để đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường chứng khoán theo quy định tại Điểm a nêu trên, trong thời hạn tối đa một (01) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hoá phải bổ sung hồ sơ để hoàn tất thủ tục niêm yết tại các sở giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Sau khi thực hiện xong quá trình CPH, trong trường hợp Công ty đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật chứng khoán về công ty đại chúng, Công ty cam kết sẽ thực hiện đúng các quy định nêu trên.

6. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HOÁ

6.1. Ban chỉ đạo cổ phần hoá

Ban chỉ đạo cổ phần hoá của Công ty TNHH MTV Xuất khẩu lao động – Thương mại và Du lịch được thành lập theo Quyết định số 404/QĐ-LĐTBXH ngày 08 tháng 04 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội gồm các thành viên sau:



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU
CÔNG TY TNHH MTV XK LAO ĐỘNG – TM VÀ DU LỊCH

TT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Nguyễn Thanh Hòa	Thứ trưởng Bộ LĐTB và Xã hội - Trưởng ban
2	Ông Phạm Quang Phụng	Vụ trưởng Vụ KH-TC - Phó trưởng ban thường trực
3	Ông Đặng Huy Hồng	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cung ứng nhân lực Quốc tế và Thương mại - Phó trưởng ban
4	Ông Nguyễn Thế Hiên	Chủ tịch Công ty TNHH MTV Xuất khẩu Lao động Thương mại và Du lịch - Phó trưởng ban
5	Ông Trần Ngọc Túy	Phó Vụ trưởng Vụ tổ chức cán bộ - Thành viên
6	Ông Hoàng Minh Hào	Phó Vụ trưởng Vụ Lao động - Tiền lương - Thành viên
7	Ông Mai Đức Thiện	Phó Vụ trưởng Vụ Pháp chế - Thành viên
8	Bà Hoàng Kim Ngọc	Phó Cục trưởng Cục quản lý lao động ngoài nước - Thành viên

6.2. Doanh nghiệp cổ phần hoá:

Công ty TNHH MTV Xuất khẩu lao động - Thương mại và Du lịch

- ❖ Ông Vũ Minh Xuyên : Tổng Giám đốc - Công ty TNHH MTV Xuất khẩu lao động - Thương mại và Du lịch
- ❖ Bà Hoàng Lệ Châu : Phụ trách Kế toán - Công ty TNHH MTV Xuất khẩu lao động - Thương mại và Du lịch

6.3. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯỢNG HOÀNG

- ❖ Ông Nguyễn Hồng Nghị - Tổng Giám đốc
- ❖ Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Trưởng phòng Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp



PHẦN V: KẾT LUẬN

Bản công bố thông tin được cung cấp cho nhà đầu tư nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá tài sản, nguồn vốn, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty TNHH MTV Xuất khẩu lao động - Thương mại và Du lịch.

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Hoàng tham gia lập trên cơ sở Phương án CPH đã được phê duyệt của Công ty TNHH MTV Xuất khẩu lao động - Thương mại và Du lịch, các thông tin và số liệu do Công ty TNHH MTV Xuất khẩu lao động - Thương mại và Du lịch cung cấp theo quy định, đảm bảo tính công khai, minh bạch và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nhà đầu tư. Việc đánh giá, lựa chọn thông tin và ngôn từ trong bản CBTT này đã được thực hiện một cách cẩn trọng và hợp lý dựa trên các tài liệu và thông tin do Công ty TNHH MTV Xuất khẩu lao động - Thương mại và Du lịch cung cấp.

Vì bản CBTT được lập sau thời điểm Phương án CPH được phê duyệt, do đó một số số liệu trong Bản CBTT là số liệu cập nhật cho phù hợp với thực tế.

Phương án CPH và các tài liệu, phụ lục kèm theo là một bộ phận không thể tách rời của Bản CBTT này.

Chúng tôi khuyến cáo các nhà đầu tư đọc kỹ Bản công bố thông tin, phương án CPH và các tài liệu, phụ lục kèm theo trước khi quyết định tham gia đầu giá cổ phần của Công ty TNHH MTV Xuất khẩu lao động - Thương mại và Du lịch.



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU
CÔNG TY TNHH MTV XK LAO ĐỘNG – TM VÀ DU LỊCH**

Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2015

**NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI
CÁC NỘI DUNG THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HOÁ**

Đại diện Ban chỉ đạo CPH

Trưởng ban



Nguyễn Thanh Hoà

Đại diện Doanh nghiệp CPH

Tổng Giám đốc



Vũ Minh Xuyên

Đại diện Tổ chức tư vấn bán đầu giá

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hồng Nghị

101